

THÔNG BÁO TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2016

Trường Đại học Y Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và bác sĩ nội trú năm 2016 như sau:

1. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, CHỈ TIÊU VÀ CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

1.1. Đào tạo tiến sĩ

- Hình thức đào tạo: Tập trung, 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành; 04 năm đối với người chưa có bằng thạc sĩ.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 130.

- Chuyên ngành tuyển sinh: *phụ lục 1*.

1.2. Đào tạo thạc sĩ

- Hình thức đào tạo: Tập trung từ 12 - 24 tháng tùy từng chuyên ngành đào tạo.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 365.

- Chuyên ngành tuyển sinh: *phụ lục 1*.

1.3. Đào tạo bác sĩ nội trú

- Hình thức đào tạo: Tập trung 03 năm.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 235 (trong đó có 25 chỉ tiêu đào tạo cho Sở Y tế Hà Nội).

Nhà trường dự kiến sẽ tuyển 10 chỉ tiêu đào tạo Bác sĩ nội trú cho Phân hiệu Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa. Các nội dung liên quan cụ thể sẽ được thông báo sau.

- Chuyên ngành tuyển sinh và chỉ tiêu cụ thể: *phụ lục 1*.

2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

2.1. Đào tạo tiến sĩ

2.1.1. Văn bằng: Người dự tuyển phải có một trong các điều kiện sau

a) Có bằng thạc sĩ hoặc bằng bác sĩ nội trú chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy và có bằng chuyên khoa cấp II hoặc chuyên khoa cấp I chuyên ngành đúng với chuyên ngành đăng ký dự tuyển;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên, ngành phù hợp chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

2.1.2. Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học

a) Người dự tuyển có bằng thạc sĩ phải có ít nhất 01 bài báo khoa học;

b) Người dự tuyển chưa có bằng thạc sĩ phải có ít nhất 02 bài báo khoa học;

Các bài báo khoa học phải có nội dung phù hợp với chuyên ngành dự tuyển và đã được công bố trên các tạp chí khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

2.1.3. Kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Có ít nhất 02 năm công tác trong chuyên ngành dự tuyển sau khi tốt nghiệp đại học, tính đến ngày nộp hồ sơ;

b) Người dự tuyển có bằng bác sĩ nội trú được dự thi 01 lần và thi ngay sau khi tốt nghiệp.

2.1.4. Yêu cầu về ngoại ngữ: Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau

a) Chứng chỉ ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật) tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp (*phụ lục 2a*);

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

2.1.5. Có bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu (đề cương nghiên cứu phải được Viện/Khoa/Bộ môn của chuyên ngành dự tuyển xác nhận)

2.1.6. Có giấy chấp thuận hướng dẫn khoa học của người đủ tiêu chuẩn hướng dẫn theo quy định

2.1.7. Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của người dự tuyển

2.1.8. Được cơ quan quản lý nhân sự giới thiệu cho đi dự tuyển

2.2. Đào tạo thạc sĩ

2.2.1. Văn bằng: Người dự tuyển phải có một trong các điều kiện sau

a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi và đã có chứng chỉ học bổ sung kiến thức trước khi đăng ký dự thi.

2.2.2. Kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi):

a) Khối lâm sàng: Có ít nhất 2 năm công tác trong chuyên ngành dự thi;

b) Khối Y học cơ sở, Y học dự phòng và Y tế công cộng: Có ít nhất 1 năm công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi. Nếu tốt nghiệp đại học khối ngành Sức khỏe hệ chính quy loại khá trở lên được dự thi ngay.

2.3. Đào tạo bác sĩ nội trú

2.3.1. Văn bằng: Có bằng bác sĩ hệ chính quy ngành tương ứng với chuyên ngành dự thi, tốt nghiệp năm 2016

2.3.2. Tuổi đời không quá 27

2.3.3. Có đủ sức khỏe

2.3.4. Trong quá trình học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên

3. HÌNH THỨC VÀ MÔN THI TUYỂN

3.1. Đào tạo tiến sĩ

3.1.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.1.2. Cách thức xét tuyển

a) Căn cứ vào tiêu chí xét tuyển (*phụ lục 2b*): Tiểu ban chuyên môn xét hồ sơ dự tuyển và đánh giá năng lực của người dự tuyển qua phần trình bày bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu;

b) Trước khi được phê duyệt tên đề tài và tiến hành triển khai, đề cương nghiên cứu phải được xem xét, đánh giá về khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Hội đồng đạo đức cấp trường.

3.2. Đào tạo thạc sĩ

3.2.1. Hình thức tuyển sinh: thi trắc nghiệm, 90 phút/ môn thi.

3.2.2. Môn thi: 03 môn

a) Môn thi 1: môn chuyên ngành (*phụ lục 3*);

b) Môn thi 2: môn cơ sở (*phụ lục 3*);

c) Môn thi 3: ngoại ngữ, thi một trong các thứ tiếng Anh, Pháp, Trung văn tương đương cấp độ A2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ: *phụ lục 4*.

3.3. Đào tạo bác sĩ nội trú

3.3.1. Hình thức tuyển sinh: thi trắc nghiệm, 90 phút/ môn thi.

3.3.2. Môn thi: 04 môn

a) Môn thi 1 và môn thi 2: môn chuyên ngành (*phụ lục 3*);

b) Môn thi 3: môn cơ sở, đề tổng hợp (gồm kiến thức của 4 môn Giải phẫu; Sinh lý; Hóa sinh; Y sinh học di truyền);

c) Môn thi 4: môn ngoại ngữ, thi một trong những ngoại ngữ Anh, Pháp hoặc Trung văn tương đương cấp độ B.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(dành riêng cho người dự tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ)

4.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục a;
- f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Chính sách ưu tiên

- a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 01 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ sở;
- b) Thí sinh chỉ được xét ưu tiên khi nộp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền kèm theo hồ sơ. Không giải quyết các trường hợp nộp bổ sung giấy xác nhận ưu tiên sau khi nộp hồ sơ;
- c) Mỗi thí sinh chỉ được hưởng 01 diện ưu tiên.

5. HỒ SƠ TUYỂN SINH

5.1. Đào tạo tiến sĩ

- 5.1.1. Đơn đăng ký dự tuyển (*mẫu 1a*);
- 5.1.2. Công văn hoặc Quyết định cử đi dự tuyển nghiên cứu sinh của cơ quan người dự tuyển;
- 5.1.3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan cử đi học. Đối với người dự tuyển công tác tại các cơ sở y tế ngoài công lập phải được địa phương nơi cư trú xác nhận thân nhân tốt, hiện không vi phạm pháp luật;
- 5.1.4. Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan cử đi học (*mẫu 1b*);
- 5.1.5. Bản sao công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động;
- 5.1.6. Giấy chứng nhận sức khỏe;
- 5.1.7. Giấy xác nhận thời gian công tác trong chuyên ngành đăng ký dự tuyển của cơ quan có thẩm quyền (*mẫu 1c*);
- 5.1.8. 01 bì thư đựng 02 ảnh cỡ 3x4 cm và bản sao chứng minh nhân dân/hộ chiếu/căn cước. Bên ngoài 02 bì thư và mặt sau tất cả ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự tuyển;
- 5.1.9. Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng sau đại học và bảng điểm toàn khóa học. Nếu người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp giấy công nhận văn bằng đại học, thạc sĩ của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục & Đào tạo;
- 5.1.10. Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định;
- 5.1.11. Hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất người dự tuyển (*mẫu 1d*);

- 5.1.12. Giấy chấp thuận hướng dẫn của người dự kiến hướng dẫn (*mẫu 1e*);
- 5.1.13. Bản liệt kê các bài báo khoa học cùng bản sao các bài báo đó (gồm trang bìa tạp chí, mục lục và toàn văn bài báo), các đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu cùng các minh chứng (quyết định giao đề tài, biên bản nghiệm thu, quyết định nghiệm thu đề tài) và các bằng khen, giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học (nếu có);
- 5.1.14. Bài luận dự định nghiên cứu và 08 quyển đề cương nghiên cứu (*phụ lục 5*);
- 5.1.15. Đề cương hồ sơ phê duyệt đạo đức trong nghiên cứu y học (*mẫu 1f*).

5.2. Đào tạo thạc sĩ

- 5.2.1. Đơn đăng ký dự thi (*mẫu 2a*);
- 5.2.2. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học có công chứng; Những thí sinh tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải nộp giấy xác nhận văn bằng của cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- 5.2.3. Bản sao công chứng chứng chỉ định hướng chuyên khoa; chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với các chuyên ngành tuyển sinh có yêu cầu; chứng chỉ/văn bằng ngoại ngữ theo quy định đối với những thí sinh thuộc diện miễn thi đầu vào môn ngoại ngữ;
- 5.2.4. Giấy tờ pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu có) theo qui định;
- 5.2.5. Giấy chứng nhận thời gian công tác trong chuyên ngành dự thi của cơ quan quản lý chuyên môn (*mẫu 2b*);
- 5.2.6. Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm viên chức/công chức đủ để chứng minh thời gian công tác. Các thí sinh công tác tại các cơ sở y tế ngoài công lập, ngoài hợp đồng lao động nộp kèm theo giấy phép hoạt động và danh mục chuyên ngành hoạt động của cơ sở y tế nơi thí sinh công tác (bản sao công chứng);
- 5.2.7. Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định có xác nhận của cơ quan quản lý cán bộ hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (nếu thí sinh là đối tượng tự do);
- 5.2.8. Công văn hoặc quyết định cử đi thi tuyển của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự;
- 5.2.9. Chứng nhận sức khỏe;
- 5.2.10. 01 bì thư đựng 02 ảnh cỡ 3x4 cm; 01 bì thư khác đựng 02 ảnh cỡ 3x4 cm và bản sao chứng minh nhân dân/hộ chiếu/căn cước. Bên ngoài 02 bì thư và mặt sau tất cả ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự thi.

5.3. Bác sĩ nội trú

- 5.3.1. Đơn đăng kí dự thi (*mẫu 3*);
- 5.3.2. Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp;
- 5.3.3. Bản sao công chứng bằng điểm đại học;
- 5.3.4. Sơ yếu lý lịch (Trường xác nhận, ghi rõ không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên);
- 5.3.5. Giấy chứng nhận sức khỏe;

5.3.6. 01 bì thư đựng 02 ảnh 3x4 cm; 01 bì thư khác đựng 02 ảnh 3x4 cm và bản sao chứng minh nhân dân/hộ chiếu/căn cước. Bên ngoài 02 bì thư và mặt sau tất cả ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành tốt nghiệp (Y - đa khoa/Răng Hàm Mặt/Y học cổ truyền/Y học dự phòng).

Ghi chú:

- Tất cả giấy tờ được xếp theo thứ tự như trên và đựng trong túi hồ sơ;
- Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đã có đủ giấy tờ theo quy định.

6. KINH PHÍ TUYỂN SINH

Kinh phí tuyển sinh được thông báo và thu tại phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Nhà trường (các khoản này nộp một lần cùng với hồ sơ đăng ký dự thi tuyển).

Hồ sơ và kinh phí tuyển sinh không hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện, thí sinh bỏ thi tuyển hoặc thi tuyển không đạt.

7. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TRÚNG TUYỂN

7.1. Đào tạo tiến sĩ

- Điều kiện xét tuyển: Tổng điểm phần 1 (điểm đánh giá hồ sơ, tối đa 40 điểm) và phần 2 (điểm đánh giá bài luận và đề cương nghiên cứu, tối đa 60 điểm) ≥ 50 điểm, trong đó điểm phần 2 ≥ 30 điểm.

- Xét trúng tuyển:

+ Tính tổng điểm 2 phần, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu của từng chuyên ngành.

+ Trường hợp thí sinh có tổng điểm bằng nhau, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: điểm phần 2 cao hơn; số bài báo được tính điểm nhiều hơn; chứng chỉ ngoại ngữ cấp độ cao hơn.

7.2. Đào tạo thạc sĩ

- Điều kiện xét tuyển: Các môn thi chuyên ngành và cơ sở đạt $\geq 5,0$ điểm (thang điểm 10) và ngoại ngữ ≥ 50 (thang điểm 100).

- Xét trúng tuyển:

+ Tính tổng điểm môn chuyên ngành và cơ sở (không tính môn ngoại ngữ), xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu của từng chuyên ngành;

+ Trường hợp thí sinh có tổng điểm bằng nhau, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: thí sinh là nữ; thí sinh có điểm môn chuyên ngành cao hơn; thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc có điểm môn ngoại ngữ cao hơn.

7.3. Đào tạo bác sĩ nội trú

- Điều kiện xét tuyển: Các môn thi chuyên ngành và cơ sở đạt $\geq 5,0$ điểm (thang điểm 10) và ngoại ngữ ≥ 50 (thang điểm 100)

- Xét trúng tuyển:
 - + Tính tổng điểm môn chuyên ngành 1, 2 và môn cơ sở (không tính môn ngoại ngữ), xếp thứ tự từ cao xuống thấp;
 - + Đăng ký chuyên ngành theo trình tự tổng điểm từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ cho từng chuyên ngành;
 - + Trường hợp thí sinh có tổng điểm bằng nhau, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: tổng điểm hai môn chuyên ngành cao hơn; điểm môn ngoại ngữ cao hơn.

8. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ

- Tuyển sinh đào tạo tiến sĩ, BSNT: từ ngày 19/7/2016 đến 16h30 ngày 21/7/2016.
- Tuyển sinh đào tạo thạc sĩ: từ ngày 31/5/2016 đến 16h30 ngày 02/6/2016.
- Thông tin chi tiết truy cập tại website: <http://sdh.hmu.edu.vn/news/default.aspx>

Nhận hồ sơ trong giờ hành chính, tại Hội trường tầng 3, nhà A1 trường Đại học Y Hà Nội, số 1 - Phố Tôn Thất Tùng - Đống Đa - Hà Nội.

9. THỜI GIAN THI TUYỂN

9.1. Đào tạo tiến sĩ

- Tập trung phổ biến quy chế và kế hoạch xét tuyển: 9h00 ngày 11/8/2016, tại Hội trường tầng 3 nhà A1.

- Xét tuyển: từ ngày 15/8/2016 đến hết ngày 25/8/2016.

- Hoàn thiện hồ sơ xin phê duyệt đạo đức trong nghiên cứu y học trước ngày 16/9/2016 và thông qua hội đồng theo lịch của phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học Nhà trường (có lịch riêng).

9.2. Đào tạo thạc sĩ

- Dự kiến tập trung ôn tập: 9h00 ngày 12/7/2016 tại Hội trường lớn, trường Đại học Y Hà Nội.

- Hướng dẫn ôn tập: từ 12/7/2016 đến 05/8/2016.

- Tập trung phổ biến quy chế thi và phát thẻ dự thi: 9h00 ngày 11/8/2016, tại Hội trường lớn, Trường Đại học Y Hà Nội.

- Thời gian thi tuyển:

+ Ngày 12/8/2016 (chiều): môn chuyên ngành;

+ Ngày 13/8/2016: sáng môn cơ sở; chiều môn ngoại ngữ.

9.3. Đào tạo bác sĩ nội trú

- Tập trung phổ biến quy chế thi và phát thẻ dự thi: 9h00 ngày 11/8/2015, tại giảng đường 201 Hồ Đắc Di, Trường Đại học Y Hà Nội.

- Thời gian thi tuyển:

+ Ngày 12/8/2016: sáng môn chuyên ngành 1; chiều môn chuyên ngành 2;

+ Ngày 13/8/2016: sáng môn cơ sở; chiều môn ngoại ngữ.

- Đăng ký chuyên ngành: 8h00 ngày 09/9/2016, tại hội trường lớn, trường Đại học Y Hà Nội.

10. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ NHẬP HỌC

- Dự kiến công bố kết quả thi tuyển và xét tuyển: 26/8/2016;
- Dự kiến nhận đơn phúc tra: từ ngày 26/8/2016 đến 16h30 ngày 30/8/2016; công bố điểm phúc tra ngày 01/9/2016;
- Dự kiến nhập học: sáng ngày 20/10/2016;
- Dự kiến khai giảng: chiều ngày 20/10/2016.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, các cơ sở y tế trong toàn quốc sớm thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, các bác sĩ mới tốt nghiệp đủ điều kiện, có nguyện vọng dự thi kịp hoàn thành các thủ tục để nộp hồ sơ đúng thời hạn.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế, Bộ Giáo dục & Đào tạo (để báo cáo);
- Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học Y Dược;
- Các cơ sở y tế;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Tạ Thành Văn

PHỤ LỤC 1**CHUYÊN NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2016**

TT	CHUYÊN NGÀNH	NHU CẦU DỰ KIẾN*		CHỈ TIÊU
		NCS	CH	BSNT
1.	Chẩn đoán hình ảnh	5	15	10
2.	Da liễu	5	10	5
3.	Dịch tễ học		10	
4.	Dinh dưỡng	3	20	3
5.	Dị ứng – MDLS		4	3
6.	Dị ứng và miễn dịch	3		
7.	Dược lý			2
8.	Dược lý và độc chất	3	3	
9.	Gây mê hồi sức	6	18	8
10.	Giải phẫu người	2	2	2
11.	Giải phẫu bệnh		8	5
12.	Giải phẫu bệnh và pháp y	9		
13.	Hoá sinh y học	6	10	4
14.	Hồi sức cấp cứu		12	6
15.	Hồi sức cấp cứu và chống độc	4		
16.	Huyết học và truyền máu	5	12	6
17.	Ký sinh trùng			1
18.	Lao	4		4
19.	Miễn dịch			2
20.	Mô phôi thai học	1	3	3
21.	Ngoại khoa		45	23
22.	Chấn thương chỉnh hình và tạo hình	8		
23.	Ngoại lồng ngực	1		
24.	Ngoại thần kinh sọ não	2		
25.	Ngoại thận và tiết niệu	3		
26.	Ngoại tiêu hóa	6		
27.	Nhãn khoa	4	12	3
28.	Nhi khoa	10	20	10
29.	Nội khoa		40	25
30.	Nội hô hấp	6		
31.	Nội thận - tiết niệu	3		
32.	Nội tiết	4		
33.	Nội tiêu hóa	3		

34.	Nội xương khớp	2		
35.	Nội tim mạch	8	24	8
36.	Phẫu thuật tạo hình		6	4
37.	Phục hồi chức năng	6		3
38.	Quản lý bệnh viện		30	
39.	Răng - Hàm - Mặt	8	25	5
40.	Sản phụ khoa	5	20	6
41.	Sinh lý bệnh			
42.	Sinh lý học	3	4	2
43.	Tai - Mũi - Họng	5	15	6
44.	Tâm thần	5	10	5
45.	Thần kinh	4	10	5
46.	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	5		5
47.	Ung thư	10	20	5
48.	Vệ sinh xã hội học và TCYT	16		
49.	Vi sinh y học	2	10	5
50.	Y học cổ truyền	5	20	6
51.	Y học dự phòng		30	3
52.	Y học gia đình		10	1
53.	Y pháp		5	2
54.	Y sinh học di truyền	2	4	4
55.	Y tế công cộng	7	50	
		199*	537*	200**

(*): Do Viện/Khoa/Bộ môn đề xuất.

(**): Do Hội đồng tuyển sinh Nhà trường quyết định; chưa kể số đào tạo cho Sở Y tế Hà Nội và Phân hiệu Thanh Hóa.